

## ĐỀ ÁN

**“Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến,  
giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2026 - 2030”**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

### I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

#### 1. Cơ sở chính trị

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 xác định phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới cần: *“Đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật... Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện có hiệu quả hệ thống pháp luật, thể chế và các chính sách phát triển kinh tế - xã hội”*.

Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, theo đó cần: *“Nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền công dân”*.

Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, Nhân dân, trong đó đã xác định yêu cầu: *“Kết hợp chặt chẽ công tác PBGDPL với nâng cao ý thức chấp hành pháp luật; ý thức chấp hành pháp luật là thước đo hiệu quả của công tác PBGDPL. Bảo đảm tính đồng bộ, xuyên suốt, hiệu quả giữa PBGDPL với xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật”*.

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã khẳng định quan điểm: *“Bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội chủ nghĩa; thể chế hóa kịp thời, đầy đủ và tổ chức thực hiện hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng; lấy con người là trung tâm, mục tiêu, chủ thể và động lực phát triển đất nước; Nhà nước tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân”*; Đề ra mục tiêu cụ thể đến năm 2030: *“Thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội”*. Một trong những nhiệm vụ và giải pháp quan trọng được xác định tại Nghị

quyết đó là: *“Tiếp tục đổi mới công tác PBGDPL. Xây dựng mạng lưới, nâng cao năng lực của hệ thống dịch vụ pháp lý, trợ giúp pháp lý và hỗ trợ pháp lý để người dân và doanh nghiệp dễ tiếp cận pháp luật. Đổi mới cơ chế thi hành pháp luật, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật với thực hiện pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả. Xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thi hành pháp luật”*.

Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới xác định quan điểm: *“Nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, tập trung xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật”* và đề ra nhiệm vụ, giải pháp: *“Tập trung xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội. Đa dạng hóa phương thức truyền thông chính sách, PBGDPL, nhất là thông qua ứng dụng công nghệ số; ưu tiên những nội dung quan trọng được phát trên khung giờ thu hút đông đảo khán, thính giả trên hệ thống phát thanh, truyền hình quốc gia”*.

## **2. Cơ sở pháp lý**

Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012.

Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/04/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.

Quyết định số 21/2021/QĐ-TTg ngày 21/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật.

Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.

Thông tư số 03/2018/TT-BTP ngày 10/3/2018 của Bộ Tư pháp quy định Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL.

Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác PBGDPL, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở.

Chỉ thị số 43/CT-TTg ngày 11/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật.

Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022-2027”.

Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”.

Quyết định số 279/QĐ-TTg ngày 04/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện PBGDPL tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2024 - 2030”.

Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Chuyển đổi số trong công tác PBGDPL giai đoạn 2025 - 2030”.

Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 21/4/2023 Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

Chỉ thị số 36-CT/TU ngày 19/7/2024 của Tỉnh ủy Cao Bằng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Chương trình hành động số 34-CTr/TU ngày 09/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

### **3. Cơ sở thực tiễn**

Luật Phổ biến giáo dục pháp luật năm 2012 đã tạo lập khuôn khổ pháp lý đồng bộ, thống nhất cho công tác PBGDPL, tạo chuyển biến căn bản, bền vững về hiệu quả hoạt động PBGDPL với việc huy động toàn bộ hệ thống chính trị tham gia công tác PBGDPL. Công tác PBGDPL mang diện mạo mới khởi sắc hơn, từng bước có chiều sâu, thực chất, hiệu quả, góp phần đảm bảo quyền được thông tin pháp luật của người dân. Thông qua PBGDPL, người dân đã dần chủ động, tích cực trong việc tự học tập, tìm hiểu pháp luật, sử dụng pháp luật như công cụ hữu hiệu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân, nâng cao ý thức tự giác tuân thủ, chấp hành pháp luật. Công tác PBGDPL đã góp phần quan trọng và sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh và tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác PBGDPL còn những tồn tại, hạn chế sau: (1) Công tác PBGDPL chưa được sự quan tâm đúng mức ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương; chưa xác định công tác này là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, cho đó là nhiệm vụ của ngành Tư pháp; (2) Công tác phối hợp trong triển khai công tác PBGDPL tại nhiều cơ quan, đơn vị chưa được coi trọng; hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL còn mang tính hình thức. Một số thành viên của Hội đồng chưa phát huy được vai trò trong chỉ đạo công tác PBGDPL thuộc phạm vi quản lý, chưa phát huy được trách nhiệm của mỗi thành viên trong thực hiện nhiệm vụ chung của Hội đồng phối hợp PBGDPL; (3) Nội dung PBGDPL có lúc chưa sát với nhu cầu thực tiễn, còn dàn trải; việc ứng dụng công

nghệ thông tin trong công tác PBGDPL còn chậm; hình thức PBGDPL chưa có nhiều đổi mới, chưa phong phú, đa dạng, chủ yếu tập trung tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu nội dung các luật, chưa chú ý đi sâu vào các văn bản dưới luật, nhất là các văn bản hướng dẫn thi hành cho nên chất lượng, hiệu quả công tác PBGDPL chưa cao; (4) Đội ngũ báo cáo viên pháp luật (BCVPL), tuyên truyền viên pháp luật (TTVPL) tuy đông về số lượng, nhưng số lượng người tham gia thực hiện PBGDPL rất ít. Chất lượng, kỹ năng, phương pháp truyền đạt còn hạn chế, đặc biệt là tuyên truyền viên pháp luật; (5) Cơ sở vật chất, kinh phí dành cho công tác PBGDPL còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu trong tình hình hiện nay, hầu hết các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương chưa bố trí kinh phí dành riêng cho công tác PBGDPL; chưa khuyến khích, huy động các nguồn lực xã hội hóa cho công tác PBGDPL; (6) Một số người dân nhận thức pháp luật còn hạn chế, chưa có ý thức tự giác học tập, tìm hiểu pháp luật và thiếu ý thức nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật.

Hiện nay, hội nhập quốc tế sâu rộng, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã và đang tác động mạnh mẽ, đa chiều đối với tất cả các quốc gia, dân tộc, tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống chính trị, kinh tế và xã hội của đất nước, của tỉnh. Trong bối cảnh đó, yêu cầu nâng cao ý thức pháp luật, chủ động nghiên cứu, tìm hiểu pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp càng trở nên hết sức cần thiết; đồng thời nhằm phát huy vai trò người dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội bằng pháp luật theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

Xuất phát từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn của công tác PBGDPL, việc ban hành Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2026 - 2030” là phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và thực tiễn của địa phương nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế và nâng cao hiệu quả công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

## **II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC PBGDPL TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG**

### **1. Những kết quả đã đạt được**

#### **1.1. Về lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn triển khai công tác PBGDPL**

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về PBGDPL, trong những năm qua, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Cao Bằng đã kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn, quán triệt, phổ biến, triển khai các Chương trình, Đề án, Kế hoạch về PBGDPL trên địa bàn tỉnh; thực hiện lồng ghép có hiệu quả trong quá trình triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các chương trình, kế hoạch khác có liên quan. Bên cạnh đó, việc kiểm tra, theo dõi công tác PBGDPL cũng được UBND tỉnh, các sở, ngành, địa phương quan tâm triển khai thực hiện.

Qua đó, kịp thời phát hiện vướng mắc, bất cập để có giải pháp khắc phục

cũng như đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện công tác PBGDPL.

## **1.2. Về tổ chức, hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL**

Thực hiện Quyết định số 21/2021/QĐ-TTg ngày 21/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp PBGDPL. Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp tỉnh, cấp huyện được thành lập, kiện toàn theo quy định và phát huy được hiệu quả trong công tác tham mưu cho UBND cùng cấp trong triển khai thực hiện nhiệm vụ PBGDPL tại địa phương.

Ngày 04/8/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 26/2025/QĐ-TTg quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp PBGDPL (Quyết định số 26/2025/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành từ ngày 20/9/2025, thay thế Quyết định số 21/2021/QĐ-TTg ngày 21/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ). Theo đó, thực hiện theo Quyết định số 26/2025/QĐ-TTg, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2025, gồm 27 thành viên, do 01 đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm chủ tịch Hội đồng.

Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Quyết định số 26/2025/QĐ-TTg và hoạt động theo Quy chế hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Quyết định số 2116/QĐ-HĐPH ngày 10/12/2025 của Chủ tịch Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch về kết quả thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh.

## **1.3. Về nội dung, hình thức PBGDPL**

Trong thời gian qua, các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đã chú trọng xây dựng Kế hoạch triển khai phổ biến các quy định của Hiến pháp và văn bản quy phạm pháp luật, trọng tâm là các quy định pháp luật mới ban hành; các quy định của pháp luật về dân sự, hình sự, hành chính, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, lao động, giáo dục, y tế, quốc phòng, an ninh, giao thông, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành; các Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, các thỏa thuận quốc tế; tuyên truyền về ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; ý thức bảo vệ pháp luật; lợi ích của việc chấp hành pháp luật; gương người tốt, việc tốt trong thực hiện pháp luật. Hình thức PBGDPL đa dạng, phong phú, phù hợp với đối tượng và địa bàn như phổ biến pháp luật trực tiếp; tổ chức hội nghị trực tuyến; cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật; thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, internet, tờ gấp, áp-phích, tài liệu tuyên truyền pháp luật; đăng tải trên Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương; tổ chức thi tìm hiểu pháp luật; thông qua công tác xét xử, xử lý vi phạm hành chính, hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và hoạt động khác của các cơ quan trong bộ máy nhà nước; thông qua hoạt động trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở; lồng ghép trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt của tổ

chức chính trị và các đoàn thể, câu lạc bộ, tủ sách pháp luật và các thiết chế văn hóa khác ở cơ sở.

#### **1.4. Nguồn nhân lực làm công tác PBGDPL**

Tính đến tháng 6 năm 2025, tỉnh Cao Bằng có 342 công chức tư pháp (*cả 3 cấp tỉnh, huyện (cũ), xã*); 25 cán bộ làm công tác pháp chế (sở, ngành); 117 BCVPL cấp tỉnh, 243 BCVPL cấp huyện (cũ) và 2.251 TTVPL cấp xã.

Sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp (từ 01/7/2025), tỉnh Cao Bằng có 183 công chức tư pháp; 25 cán bộ làm công tác pháp chế (sở, ngành); 106 BCVPL cấp tỉnh và khoảng 2000 TTVPL cấp xã.

#### **1.5. Kinh phí cho công tác PBGDPL**

Để đảm bảo kinh phí cho công tác PBGDPL, Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ban hành theo thẩm quyền 02 văn bản quy phạm pháp luật quy định mức chi bảo đảm cho công tác PBGDPL (*Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 (thay thế Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND)*).

Theo đó, tại cấp tỉnh từ năm 2018 đến nay, mỗi năm UBND tỉnh đã giao kinh phí dành cho công tác PBGDPL trên 01 tỷ đồng cho Sở Tư pháp - cơ quan thường trực của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh, tham mưu thực hiện quản lý nhà nước về công tác PBGDPL tại địa phương. Tại các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thành phố đã bố trí kinh phí cho thực hiện nhiệm vụ PBGDPL trong tổng dự toán ngân sách chi thường xuyên được giao hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương, một số ít đơn vị đã bố trí, phân bổ kinh phí dành riêng cho công tác PBGDPL.

### **2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

#### **2.1. Tồn tại, hạn chế**

a) Công tác PBGDPL chưa được thực sự quan tâm đúng mức ở một số cơ quan, tổ chức; chưa xác định công tác này là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, thậm chí có quan điểm cho đó là nhiệm vụ riêng của ngành Tư pháp.

b) Công tác phối hợp trong triển khai công tác PBGDPL tại nhiều nơi chưa thực sự coi trọng. Thành viên Hội đồng PBGDPL các cấp hoạt động kiêm nhiệm, một số chưa phát huy được hết vai trò, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ chung của Hội đồng phối hợp PBGDPL.

c) Nội dung, hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật chậm đổi mới, chưa được phong phú, đa dạng, chủ yếu tập trung tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu nội dung các luật, chưa chú ý đi sâu vào các văn bản dưới luật, nhất là các văn bản hướng dẫn thi hành cho nên chất lượng, hiệu quả công tác PBGDPL đạt được chưa cao.

d) Đội ngũ BCVPL, TTVPL tuy đông về số lượng, nhưng số lượng người tham gia thực hiện PBGDPL rất ít. Chất lượng, kỹ năng, phương pháp truyền đạt còn hạn chế, đặc biệt là tuyên truyền viên pháp luật.

đ) Hầu hết các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương chưa bố trí kinh phí dành riêng cho công tác PBGDPL; chưa khuyến khích, huy động được nguồn lực xã hội hóa tham gia vào công tác PBGDPL.

e) Một số người dân nhận thức pháp luật còn hạn chế, chưa có ý thức tự giác học tập, tìm hiểu pháp luật và thiếu ý thức nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật.

## **2.2. Nguyên nhân**

a) Một số cấp uỷ Đảng, chính quyền, nhất là người đứng đầu chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, quyết liệt đối với hoạt động PBGDPL.

b) Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp hoạt động theo cơ chế phối hợp, các thành viên làm việc kiêm nhiệm nên không thể dành nhiều thời gian đầu tư cho công tác PBGDPL. Một số thành viên của Hội đồng phối hợp PBGDPL chưa thực sự xác định rõ trách nhiệm khi tham gia Hội đồng. Chất lượng tham mưu, tư vấn trong xác định nội dung, hình thức PBGDPL chưa cao;

c) Đội ngũ công chức tham mưu quản lý nhà nước về công tác PBGDPL, BCVPL, TTVPL chưa được tập huấn về kỹ năng, nghiệp vụ thường xuyên;

d) Điều kiện kinh tế của tỉnh Cao Bằng còn gặp khó khăn, trình độ dân trí không đồng đều, nhận thức của một số người dân vùng sâu, vùng xa còn hạn chế.

## **III. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN**

### **1. Quan điểm**

2.1. Quán triệt, triển khai kịp thời chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh uỷ về đổi mới, tăng cường công tác PBGDPL, nâng cao nhận thức và hiểu biết pháp luật của Nhân dân.

2.2. Xác định nhiệm vụ PBGDPL nhằm nâng cao nhận thức và hiểu biết pháp luật của người dân là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị với quyết tâm cao; gắn bó chặt chẽ công tác PBGDPL với tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân, công tác xây dựng, thi hành pháp luật và giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống.

2.3. Khuyến khích, tạo điều kiện và huy động mọi nguồn lực xã hội tham gia; đề cao trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai công tác PBGDPL.

2.4. Bảo đảm tính khả thi, kế thừa, tiếp thu có chọn lọc, phát triển, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với từng đối tượng, địa bàn, lĩnh vực, hướng về cơ sở, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị, nhu cầu xã hội, bám sát thực tiễn đất nước, của tỉnh.

### **2. Mục tiêu của Đề án**

#### **2.1. Mục tiêu chung**

a) Nâng cao trách nhiệm quản lý nhà nước về PBGDPL của các cấp, các

ngành. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai công tác PBGDPL đi vào thực chất, kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm; đảm bảo các nguồn lực về cơ sở vật chất, nhân lực, kinh phí cho các hoạt động PBGDPL. Đổi mới về nội dung, hình thức PBGDPL, trong đó tập trung xây dựng nội dung PBGDPL và lựa chọn hình thức PBGDPL bảo đảm phù hợp, đáp ứng nhu cầu cán bộ, Nhân dân trên địa bàn tỉnh, nhất là các nhóm đối tượng thuộc phạm vi của Đề án nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác PBGDPL.

b) Nâng cao nhận thức và hiểu biết pháp luật, ý thức tự giác nghiên cứu, học tập, tìm hiểu pháp luật của cán bộ, Nhân dân trên địa bàn tỉnh, bảo đảm người dân được tiếp cận pháp luật thuận lợi, phù hợp với điều kiện vùng cao, dân tộc thiểu số. Qua đó, tạo sự đồng thuận về nhận thức và hành động trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; xây dựng thói quen, văn hóa sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, góp phần giảm thiểu các hành vi vi phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh, thúc đẩy xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tại tỉnh Cao Bằng.

## **2.2. Mục tiêu cụ thể**

Đến hết năm 2030, công tác PBGDPL phấn đấu đạt và duy trì các mục tiêu sau đây:

a) 100% các cơ quan, đơn vị tổ chức tuyên truyền, PBGDPL các văn bản pháp luật mới thuộc phạm vi quản lý.

b) 100% dự thảo các chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định được cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật tổ chức truyền thông từ khi lấy ý kiến đối với đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đến khi thông qua, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

c) 100% các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và UBND tỉnh mới ban hành được phổ biến rộng rãi đến các đối tượng chịu sự tác động, điều chỉnh của văn bản.

d) 100% cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang được trang bị kiến thức pháp luật theo lĩnh vực hoạt động chuyên ngành và các lĩnh vực pháp luật khác có liên quan đến hoạt động của mình.

đ) 100% các trường học triển khai chương trình PBGDPL cho học sinh, sinh viên thông qua các chương trình giáo dục chính khóa và hoạt động ngoại khóa về các lĩnh vực pháp luật liên quan đến quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân, tập trung PBGDPL về an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng, chống tệ nạn xã hội, an ninh mạng, quyền trẻ em, nhằm giáo dục nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật của học sinh, sinh viên.

e) Trên 80% người đang chấp hành hình phạt tù tại Trại tạm giam và Nhà tạm giữ tại cơ quan Công an; người đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; người đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường; người bị phạt tù được hưởng án treo; người đang chấp hành hình phạt cải tạo

không giam giữ, cấm đi khỏi nơi cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; người được đặc xá, tha tù về cư trú, sinh sống tại địa phương; người phải thi hành án dân sự được phổ biến, giáo dục các quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân, pháp luật về hình sự, thi hành án hình sự, thi hành án dân sự, xử lý vi phạm hành chính.

g) Ít nhất 70% người dân được tiếp cận, tìm hiểu pháp luật thông qua các cơ sở dữ liệu (như Cổng pháp luật quốc gia, Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia,...) ứng dụng số, công nghệ số; 100% cán bộ, công chức, viên chức, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân tham mưu thực hiện công tác PBGDPL, BCVPL, TTVPL được tập huấn kiến thức và kỹ năng chuyển đổi số trong công tác PBGDPL, trong đó ít nhất 90% hoạt động tập huấn được thực hiện bằng hình thức trực tuyến. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về sử dụng, khai thác các tiện ích, nền tảng, ứng dụng số PBGDPL tham gia đánh giá đạt 90%.

h) Trên 80% Nhân dân trên địa bàn tỉnh được tuyên truyền, PBGDPL thông qua các hình thức phù hợp.

i) 100% BCVPL, TTVPL, người làm công tác PBGDPL, đội ngũ giáo viên dạy môn Giáo dục công dân, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, giảng viên dạy môn pháp luật được rà soát, củng cố, kiện toàn, cung cấp tài liệu, tập huấn, cập nhật thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng, nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin cần thiết để thực hiện công tác PBGDPL theo yêu cầu nhiệm vụ hằng năm.

### **3. Phạm vi, đối tượng của Đề án**

**3.1. Phạm vi:** Đề án được triển khai thực hiện từ năm 2026 đến năm 2030 trên phạm vi toàn tỉnh.

**3.2. Đối tượng:** Đối tượng thụ hưởng của Đề án là toàn thể cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ và Nhân dân trên địa bàn tỉnh. Trọng tâm là 03 nhóm đối tượng: (1) Người chưa thành niên và học sinh, sinh viên; (2) Cán bộ, công chức, viên chức; (3) Người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.

## **IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PBGDPL**

Trên cơ sở tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW, tổng kết 10 năm thi hành Luật PBGDPL năm 2012 và xuất phát từ tình hình thực tiễn của địa phương, để nâng cao chất lượng công tác PBGDPL, hoàn thành các mục tiêu đặt ra trong giai đoạn 2026 - 2030, cần tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp sau:

### **1. Các nhiệm vụ trọng tâm**

**1.1.** Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai công tác PBGDPL. Đồng thời, nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của pháp luật và mục đích, ý nghĩa của việc nâng cao hiểu

biết pháp luật để thực hiện, bảo vệ các quyền theo đúng pháp luật.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả công tác PBGDPL.

Đưa công tác PBGDPL vào nội dung chương trình, kế hoạch công tác hằng năm, khuyến khích xem xét kết quả thực hiện công tác PBGDPL như một tiêu chí tham khảo trong đánh giá, khen thưởng và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Xây dựng môi trường tuân thủ pháp luật, phát huy vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong thực hiện tuyên truyền, PBGDPL đến Nhân dân.

**1.2.** Đổi mới nội dung, cách thức phối hợp và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh, công tác PBGDPL cấp xã.

Nâng cao vai trò, trách nhiệm, tính chủ động của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh trong định hướng, hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra công tác PBGDPL.

Đổi mới phương thức hoạt động của Hội đồng theo hướng thiết thực, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên Hội đồng.

Bảo đảm sự phối hợp đồng bộ, liên thông giữa Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh với UBND cấp xã trong chỉ đạo, triển khai công tác PBGDPL.

**1.3.** Nâng cao năng lực cho đội ngũ BCVPL, TTVPL, người làm công tác PBGDPL.

Xây dựng đội ngũ BCVPL, TTVPL, người làm công tác PBGDPL có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm, tâm huyết với công tác PBGDPL.

Nâng cao năng lực, trình độ, kỹ năng truyền đạt, kỹ năng truyền thông, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và khả năng nắm bắt, định hướng dư luận xã hội cho đội ngũ làm công tác PBGDPL.

**1.4.** Đổi mới mạnh mẽ công tác PBGDPL, trọng tâm là đổi mới nội dung, cách thức triển khai công tác PBGDPL theo hướng lấy người dân làm trung tâm, xuất phát từ nhu cầu của đối tượng thụ hưởng, phù hợp với từng nhóm đối tượng cụ thể, gắn với ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện chuyển đổi số.

Đổi mới, đa dạng hóa nội dung PBGDPL theo hướng thiết thực, dễ hiểu, dễ nhớ, phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn, từng lĩnh vực pháp luật.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng số, mạng xã hội, tính năng tiện ích ứng dụng công nghệ số trong công tác PBGDPL.

Khuyến khích sáng kiến, mô hình PBGDPL mới, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, đặc biệt tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới.

**1.5.** Đảm bảo kinh phí cho công tác PBGDPL. Trong đó, ưu tiên nguồn lực cho các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm triển khai công tác PBGDPL cho 03 nhóm đối tượng trọng tâm của Đề án.

Bảo đảm đầy đủ, kịp thời cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác PBGDPL. Bố trí, phân bổ và sử dụng hiệu quả kinh phí cho hoạt động PBGDPL, nhất là đối với các nhóm đối tượng trọng tâm của Đề án.

Khuyến khích, huy động các nguồn lực xã hội hóa, sự tham gia, hỗ trợ của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong triển khai hoạt động PBGDPL.

Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn lực, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch.

## **2. Giải pháp chủ yếu**

### **2.1. Giải pháp về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp**

a) Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, cơ quan quản lý nhà nước trong công tác PBGDPL; xác định công tác này là nhiệm vụ xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo, xây dựng chính quyền; là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị - tư tưởng, là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

b) Nghiên cứu, rà soát quy định pháp luật hiện hành; đánh giá nhu cầu và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương; tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét ban hành (nếu đủ điều kiện) các cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia công tác PBGDPL và tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh.

c) Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh.

d) Tập trung triển khai các hoạt động PBGDPL theo cơ chế phối hợp liên ngành, đảm bảo sự tham gia và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về PBGDPL và các cơ quan có nội dung PBGDPL thuộc phạm vi quản lý; tăng cường sự phối hợp và chia sẻ trách nhiệm triển khai công tác PBGDPL.

đ) Tổ chức các hoạt động biểu dương, nêu gương người tốt, việc tốt trong chấp hành pháp luật thông qua tổ chức các diễn đàn, cuộc thi, động viên, khen thưởng các tổ chức, cá nhân gương mẫu, điển hình trong tuân thủ, thực hiện pháp luật. Nhân rộng các sáng kiến về hình thức, mô hình, cách làm mới về PBGDPL hiệu quả, phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn và nhu cầu của người dân.

e) Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện trách nhiệm, quyền hạn, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai công tác PBGDPL.

### **2.2. Giải pháp về hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL (gọi tắt là Hội đồng)**

a) Thực hiện tốt cơ chế phối hợp của Hội đồng theo hướng phân công rõ trách nhiệm và nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, nhất là các thành viên

của các sở, ngành có trách nhiệm chính về PBGDPL cho nhóm đối tượng của Đề án để chỉ đạo, định hướng, triển khai các nhiệm vụ PBGDPL thuộc phạm vi quản lý được hiệu quả, sát thực tế.

b) Cơ quan Thường trực Hội đồng phát huy vai trò và tập trung vào các nhiệm vụ hướng dẫn, điều phối, phân công trách nhiệm cho từng thành viên Hội đồng, nhất là các nhiệm vụ chủ trì mang tính liên ngành, liên lĩnh vực, lĩnh vực pháp luật thiết yếu đối với người dân và nhóm đối tượng của Đề án (ưu tiên lĩnh vực pháp luật trọng tâm theo dõi thi hành pháp luật hằng năm) để đưa vào Kế hoạch hoạt động của Hội đồng; tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá hiệu quả về PBGDPL theo từng nhóm đối tượng cụ thể, theo từng lĩnh vực pháp luật thiết yếu.

c) Đổi mới cơ chế hoạt động của Hội đồng theo hướng đa chiều, phối hợp theo chiều rộng (*giữa các thành viên của Hội đồng*) và phối hợp theo chiều dọc (*giữa Hội đồng tỉnh và UBND cấp xã*) trong hướng dẫn, chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ được giao chủ trì.

### **2.3. Giải pháp về nguồn lực đảm bảo cho công tác PBGDPL**

#### **a) Nguồn nhân lực thực hiện công tác PBGDPL**

- Rà soát, đánh giá chất lượng hoạt động của đội ngũ BCVPL, TTVPL trong quá trình triển khai nhiệm vụ PBGDPL; thực hiện kiện toàn đội ngũ này theo hướng tinh gọn, chỉ công nhận, duy trì hoạt động đối với BCVPL, TTVPL thực sự có năng lực, tham gia thường xuyên và trách nhiệm.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cho BCVPL, TTVPL, người làm công tác PBGDPL theo hướng chuyên sâu, chuyên biệt cho từng nhóm đối tượng đặc thù, yếu thế. Trang bị kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho đội ngũ này để thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức PBGDPL.

#### **b) Kinh phí bố trí cho công tác PBGDPL**

- Bảo đảm kinh phí phân bổ hằng năm cho hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh, phục vụ công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, sơ kết, tổng kết và tổ chức các hoạt động chung về PBGDPL trên địa bàn tỉnh.

- Bố trí kinh phí cho Sở Tư pháp - cơ quan quản lý nhà nước về công tác PBGDPL để thực hiện nhiệm vụ quản lý, hướng dẫn, kiểm tra; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, PBGDPL, bồi dưỡng nghiệp vụ, biên soạn và phát hành tài liệu phục vụ công tác PBGDPL.

- Cân đối bố trí kinh phí cho các sở, ngành và UBND cấp xã trong việc triển khai các hoạt động PBGDPL thuộc phạm vi quản lý. Ưu tiên hỗ trợ kinh phí thực hiện các hoạt động PBGDPL trực tiếp cho nhóm đối tượng trọng tâm của Đề án.

### **2.4. Giải pháp về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số**

a) Xây dựng, phát triển, tăng cường sử dụng nền tảng ứng dụng số hỗ trợ công tác quản lý và triển khai công tác PBGDPL với các tính năng chính, bao

gồm: khảo sát trực tuyến, báo cáo, thống kê công tác PBGDPL; quản lý hoạt động của đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật...

b) Xây dựng, phát hành tài liệu PBGDPL theo phương thức hiện đại (sổ tay điện tử, tờ gấp điện tử, tài liệu PBGDPL bằng hình ảnh, video, file âm thanh...) phù hợp với từng nhóm đối tượng.

c) Nâng cấp, phát triển Trang thông tin điện tử PBGDPL tỉnh Cao Bằng, tích hợp các tính năng tiện ích ứng dụng công nghệ số (khảo sát trực tuyến, tra cứu thông tin pháp luật...) giúp người dân, doanh nghiệp dễ dàng tìm kiếm, truy cập, sử dụng tài liệu pháp luật một cách nhanh chóng, thuận tiện.

d) Triển khai thông tin, PBGDPL trên ứng dụng mạng xã hội (facebook, zalo...), nâng cao khả năng tiếp cận, tương tác với người dân, doanh nghiệp.

đ) Triển khai thông tin, PBGDPL trên ứng dụng VNeID và các nền tảng số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; mở rộng kênh tiếp cận thông tin pháp luật.

e) Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác PBGDPL.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Phân công trách nhiệm thực hiện Đề án**

#### **1.1. Đơn vị chủ trì thực hiện Đề án**

Giao Sở Tư pháp là đơn vị chủ trì thực hiện Đề án và thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Hằng năm, xây dựng kế hoạch cụ thể và hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án đảm bảo chất lượng, tiến độ và đạt các mục tiêu đề ra.

b) Chủ trì, phối hợp với các cấp, ngành kiện toàn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công tác PBGDPL.

c) Xây dựng kế hoạch và tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ PBGDPL cho đội ngũ BCVPL, TTVPL; thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh; cán bộ, công chức tham gia công tác PBGDPL ở cấp tỉnh.

d) Tổ chức các hoạt động PBGDPL theo nội dung, giải pháp thực hiện Đề án; phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán kinh phí, đề xuất UBND tỉnh phê duyệt và bố trí vào dự toán ngân sách hàng năm.

đ) Tham mưu, giúp UBND tỉnh tổ chức kiểm tra, sơ kết hàng năm và tổng kết thực hiện Đề án; tổng hợp đề xuất khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong công tác PBGDPL.

#### **1.2. Đơn vị phối hợp thực hiện Đề án**

a) Các sở, ban, ngành tỉnh

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tổ chức triển khai thực hiện Đề án, đáp ứng nhiệm vụ chính trị của ngành, đơn vị.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và các nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng kế hoạch hàng năm, đề xuất kinh phí và tổ chức triển

khai thực hiện.

- Bố trí cán bộ phụ trách công tác PBGDPL; lựa chọn, cử công chức có năng lực, chuyên môn tham gia làm BCVPL và tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ PBGDPL.

b) Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

Chỉ đạo, hướng dẫn việc PBGDPL cho cán bộ và Nhân dân thông qua các hoạt động điều tra, truy tố xét xử; quan tâm tổ chức các phiên tòa xét xử lưu động; làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ kiểm sát viên, thẩm phán về phương pháp, kỹ năng PBGDPL.

c) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Chủ động phối hợp với các cơ quan nhà nước, tích cực vận động Nhân dân tự giác tìm hiểu pháp luật, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; xây dựng, tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật của tổ chức mình; vận động, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia và hỗ trợ hoạt động PBGDPL; đẩy mạnh giám sát các hoạt động thực thi pháp luật của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, kiến nghị xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật.

d) Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ

- Chỉ đạo, định hướng công tác tuyên truyền, xác định nội dung trọng tâm, thời điểm cao điểm, hình thức tuyên truyền phù hợp; chỉ đạo việc tuyên truyền gắn với công tác dân vận, vận động Nhân dân tham gia tìm hiểu, chấp hành pháp luật; phối hợp giới thiệu, nhân rộng gương điển hình, mô hình hay, cách làm hiệu quả trong công tác PBGDPL.

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí tăng cường mở các chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề về PBGDPL; trong đó ưu tiên những nội dung quan trọng, lựa chọn thời lượng và thời điểm phát sóng/đăng tải vào khung giờ phù hợp để thu hút đông đảo người xem.

đ) UBND cấp xã

- Xây dựng kế hoạch, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn triển khai thực hiện Đề án; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Đề án về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

- Tổ chức các hoạt động PBGDPL dưới các hình thức, biện pháp phù hợp; trong đó ưu tiên tập trung vào những vấn đề nóng được xã hội quan tâm, các đối tượng trọng tâm của Đề án trên địa bàn quản lý.

- Tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ PBGDPL cho đội ngũ TTVPL, hòa giải viên ở cơ sở.

- Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án tại địa phương; bố trí kinh phí cho công tác PBGDPL và đảm bảo các mức chi theo Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi cho công tác PBGDPL, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết thực hiện Đề án; khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong công tác PBGDPL.

## **2. Tiến độ thực hiện Đề án**

Đề án được triển khai trong giai đoạn 2026-2030. Căn cứ tính chất, lộ trình thực hiện các nhiệm vụ và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương, việc thực hiện Đề án được chia thành 02 giai đoạn nhằm bảo đảm tính khả thi và hiệu quả.

### **2.1. Giai đoạn 1: từ năm 2026 - 2028**

a) Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, triển khai thực hiện Đề án.

b) Nghiên cứu, rà soát các quy định hiện hành; đánh giá nhu cầu, khả năng cân đối nguồn lực của địa phương; tham mưu đề xuất các giải pháp, cơ chế hỗ trợ phù hợp đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia công tác PBGDPL.

c) Tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập số liệu; nghiên cứu kinh nghiệm; xây dựng dự thảo Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh (năm 2026). Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh (năm 2027) và triển khai thực hiện Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh (từ năm 2028).

d) Mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị, các ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ công tác PBGDPL.

đ) Sơ kết giai đoạn 1 thực hiện Đề án.

### **2.2. Giai đoạn 2: từ năm 2029 - 2030**

a) Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, đánh giá ở giai đoạn 1, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét ban hành và tổ chức triển khai (nếu đủ điều kiện) các cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp; đánh giá hiệu quả thực tế và tác động của chính sách đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia công tác PBGDPL.

b) Tiếp tục thực hiện Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL tại các sở, ban, ngành và địa phương; rà soát, đánh giá hiệu quả và chỉnh sửa Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL cho phù hợp (nếu có).

c) Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác PBGDPL; tích hợp, khai thác hiệu quả các nền tảng, cơ sở dữ liệu, ứng dụng truyền thông số, mạng xã hội.

d) Tổng kết, khen thưởng những cá nhân, tổ chức có nhiều đóng góp cho việc thực hiện Đề án.

## **3. Kinh phí thực hiện Đề án**

a) Tổng kinh phí dự kiến thực hiện Đề án: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Đề án.

b) Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp hiện hành; nguồn tài trợ của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

## **4. Dự kiến hiệu quả của Đề án**

### **4.1. Đối với công tác quản lý nhà nước về PBGDPL**

Việc triển khai thực hiện Đề án góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về PBGDPL; vai trò của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh trong chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, cũng như năng lực, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ thực hiện công tác PBGDPL.

Đặc biệt, việc đổi mới nội dung theo hướng đa dạng, chủ động, phản ứng chính sách linh hoạt, kịp thời nắm bắt và đáp ứng các vấn đề nóng, được dư luận xã hội quan tâm hoặc cần định hướng dư luận xã hội, thông tin, đẩy mạnh truyền thông về chính sách trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Đề án góp phần quan trọng trong việc tăng cường sự gắn kết giữa PBGDPL với công tác xây dựng, thi hành pháp luật.

Việc đổi mới, đa dạng các hình thức PBGDPL, nhất là việc đổi mới các hình thức PBGDPL mới, hiện đại trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin, Đề án góp phần đưa hoạt động PBGDPL trở nên sinh động, mới mẻ, sáng tạo, hấp dẫn, thuận tiện, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu pháp luật của nhiều đối tượng.

Ngoài ra, việc Đề án hướng tới từng nhóm đối tượng cụ thể, với những tiêu chí đánh giá thực tiễn đầu vào và kết quả đầu ra của hoạt động PBGDPL là cách làm hay, giúp tập trung nguồn lực, nắm bắt nhu cầu từ đó đưa ra các giải pháp, chính sách phổ biến pháp luật được dễ dàng hơn. Đồng thời, giúp thay đổi nhận thức, nâng cao ý thức, trách nhiệm, tạo phương thức làm việc mới trong công tác PBGDPL theo tiêu chí nhanh chóng, phù hợp, tiết kiệm và chi phí thấp nhất.

### **4.2. Đối với xã hội và người dân**

Việc hoàn thành các mục tiêu Đề án đề ra sẽ góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiểu biết, ý thức pháp luật, hình thành thói quen chủ động học tập, nâng cao ý thức tự giác tuân thủ, chấp hành pháp luật góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng; giảm bớt tình trạng khiếu nại, tố cáo, nâng cao trách nhiệm cho cán bộ, công chức trong thực thi công vụ; giúp giảm đáng kể tình hình vi phạm pháp luật do không hiểu biết pháp luật trong cộng đồng; đặc biệt, góp phần quan trọng trong việc giúp các địa phương hoàn thành tiêu chí chuẩn tiếp cận pháp luật trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới./.